| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN PH**<br>**TỈNH HẬU GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 4 - 2022
V/v ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH, TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Hà Thái Thơ

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Thành Quyến

Ông Bùi Văn Phục

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Mỹ Chi – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PhH, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 81/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 78/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Thạch Thị T - sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện PH, tỉnh Hậu Giang

*Bị đơn:* ông Nguyễn Hoàng M - sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện PH, tỉnh Hậu Giang

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên bà Thạch Thị T trình bày:*

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 1995, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2017 cho đến

nay thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến trong nhiều việc, thường xảy ra tranh cải gia đình, nên tình cảm ngày một phai nhạt, đời sống hôn nhân không có hạnh phúc. Đến nay đã nhiều lần nguyên đơn hàn gắn tình nghĩa vợ chồng nhưng tất cả đều không thành.

Nay xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Ra Đ đã thành niên nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngày 12/4/2022, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* bà Thạch Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Hoàng M. Căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] *Về thẩm quyền xét xử:* Bị đơn ông Nguyễn Hoàng M có địa chỉ ở ấp T, xã B, huyện PH, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

[3] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử

căn cứ Điều 227 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] *Về quan hệ hôn nhân:* bà Thạch Thị T và ông Nguyễn Hoàng M đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện PH, tỉnh Hậu Giang ngày 12/02/2003 nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn được nguyên đơn trình bày là do vợ chồng nảy sinh nhiều bất đồng về quan điểm sống, hôn nhân bất hoà. Mặc dù nguyên đơn và bị đơn đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Xuất phát từ nguyên nhân trên mà nguyên đơn cho rằng mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn. Bị đơn ông Nguyễn Hoàng M đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến phản đối với lời trình bày của nguyên đơn. Do đó, có cơ sở để khẳng định mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về con chung:* trong thời kỳ hôn nhân có hai con chung là Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Ra Đ. Cả hai đã thành niên nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[6] Tài sản chung, nghĩa vụ chung: Đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[7] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

[8] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 21, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Thạch Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng M.

2. Về con chung: đã thành niên nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí: Buộc nguyên đơn bà Thạch Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007784 ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PH, bà Thạch Thị T không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN** **CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thành Quyến  Bùi Văn Phục  Hà Thái Thơ**

***Nơi nhận:***
- VKSND H PH;
- Chi cục THADS H PH;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Hà Thái Thơ**